

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học,  
cao đẳng chính quy năm 2023

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung  
trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo  
dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban  
hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo  
dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ  
về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp  
Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày  
01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật  
Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27  
tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải  
Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 15 tháng 7 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình đào  
tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy các ngành đào tạo của Trường Đại học Hải  
Dương. (Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Chuẩn đầu ra quy định về các yêu cầu đối với người học phải đạt được khi tốt  
nghiệp, bao gồm: nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí việc làm mà người học có  
thể đảm nhận, khả năng học tập nâng cao trình độ và các yêu cầu đặc thù khác đối với



từ ngành đào tạo. Chuẩn đầu ra là bản cam kết của Nhà trường trước xã hội và là cơ sở để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chương trình đào tạo; cải tiến và đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập, kỹ năng kiểm tra và đánh giá trong quá trình đào tạo. Chuẩn đầu ra được công bố công khai trên website của Nhà trường.  
<http://uhd.edu.vn>.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan trong Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Trường;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT, ĐT-HTQT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Văn Quyên**

**DANH SÁCH MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY**

(Kèm theo Quyết định số 401a/QĐ-ĐHHD ngày 18 tháng 7 năm 2023

10 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Các Chương trình đào tạo
<b>A</b>	<b>Trình độ đại học</b>
1	Kế toán
2	Kinh tế
3	Kỹ thuật Điện
4	Ngôn ngữ Anh
5	Quản trị kinh doanh
6	Quản trị văn phòng
7	Tài chính - Ngân hàng
8	Công nghệ thông tin
9	Marketing
10	Điện tử - Viễn thông
11	Su phạm Ngữ văn
12	Su phạm Toán
13	Su phạm Khoa học Tự nhiên
14	Su phạm Lịch sử
15	Su phạm Tiếng Anh
16	Giáo dục Mầm non
17	Giáo dục Tiểu học
18	Giáo dục Thể chất
<b>B</b>	<b>Trình độ Cao đẳng</b>
19	Giáo dục Mầm non

(Ấn định danh sách gồm 19 ngành)

126









## MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 401a/QĐ-ĐHHD ngày 18/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

- Tên chương trình (Tiếng Việt)	Kế toán
- Tên chương trình (Tiếng Anh)	Accounting
- Trình độ đào tạo:	Đại học
- Ngành đào tạo:	Kế toán
- Loại hình đào tạo:	Chính quy
- Mã ngành:	7340301
- Thời gian đào tạo:	4 năm

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán theo định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về Kế toán, kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật, có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm; có ý thức kỷ luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển bản thân trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Mục tiêu về kiến thức

###### 1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

- MT01: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn;

- MT02: Có kiến thức về khoa học tự nhiên - xã hội, toán học, tin học, ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

###### 1.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành



- MT03: Có kiến thức nền tảng về kinh tế, pháp luật kinh tế, tài chính, nguyên lý, pháp luật kế toán;

- MT04: Có kiến thức nền tảng về kế toán để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản về quản lý kinh tế, tài chính, kinh doanh trong môi trường làm việc thực tế.

#### *1.2.1.3. Kiến thức chuyên ngành*

- MT05: Có kiến thức chuyên sâu về kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính - sự nghiệp, tổ chức kinh tế, chính trị xã hội - nghề nghiệp;

- MT06: Có kiến thức chuyên sâu về kế toán được đào tạo để thực hiện các công việc trong lĩnh vực kế toán và lĩnh vực tài chính, kinh doanh, quản lý kinh tế; cung cấp thông tin cần thiết để tham mưu, tư vấn cho các nhà quản lý ra quyết định tối ưu.

#### *1.2.2. Mục tiêu về kỹ năng*

- MT07: Có kỹ năng nhận diện, phát hiện, thu thập, phân tích, xử lý thông tin; kỹ năng tổng hợp, đánh giá, phản biện; kỹ năng tham mưu, tư vấn chuyên môn cho các chủ thể quản lý liên quan đến lĩnh vực kế toán và các lĩnh vực có liên quan;

- MT08: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp và tạo việc làm cho người lao động;

- MT09: Có kỹ năng sử dụng, vận dụng tốt Tiếng Anh và Tin học cơ bản trong công tác, chủ động và tự tin trong việc ra quyết định về chuyên môn;

- MT10: Có kỹ năng sử dụng các phương tiện và vận hành hệ thống phần mềm hỗ trợ phục vụ công việc;

- MT11: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề phức tạp; kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

#### *1.2.3. Mục tiêu về mức tự chủ và trách nhiệm*

- MT12: Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc;

- MT13: Quyết định, hướng dẫn và giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

#### **2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương**

- PLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lê nin; Chủ nghĩa xã hội Khoa học; tư tưởng Hồ Chí Minh; lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; khoa học tự nhiên; khoa học xã hội và nhân văn; quốc



phòng và an ninh; giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- PLO2: Hiểu được thế giới quan, phương pháp luận, ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các học phần khác. Có phương pháp luận và khả năng nghiên cứu, tư duy logic, phân tích, giải quyết được những vấn đề mới trong lĩnh vực như: Kế toán, Kinh doanh về cả lý luận và thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của Việt Nam và thế giới ngày nay.

### **2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành**

- PLO3: Có kiến thức lý thuyết cơ bản về kinh tế, pháp luật kinh tế, tài chính, nguyên lý, pháp luật kế toán..., giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

- PLO4: Cung cấp cho sinh viên thấy được bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế, nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, đề cập đến các vấn đề kinh tế diễn ra hàng ngày cùng các chính sách điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

### **2.1.3. Kiến thức chuyên ngành**

- PLO5: Có kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu, toàn diện về chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kế toán;

- PLO6: Làm chủ được kiến thức chuyên ngành; vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn đời sống kinh tế;

- PLO7: Biết cách phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.

### **2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

- PLO8: Kỹ năng xử lý ghi nhận các giao dịch kinh tế phát sinh vào các sổ kế toán; Kỹ năng lập và trình bày báo cáo tài chính và các báo cáo kế toán quản trị theo yêu cầu cung cấp thông tin cho nhà quản trị; Kỹ năng thống kê, xử lý và phân tích thông tin để hỗ trợ cho quá trình ra quyết định quản lý; Phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin, để giải quyết các công việc trong lĩnh vực chuyên ngành Kế toán; Hiểu và phân tích được hành vi, ứng xử, kỹ năng của các đối tượng giao tiếp trong ngành kế toán, kiểm toán;

- PLO9: Kỹ năng đánh giá được thực trạng và những vấn đề, tình huống phát sinh trong thực tiễn và áp dụng trong lĩnh vực kế toán, đồng thời có khả năng sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường luôn thay đổi;

- PLO10: Có phương pháp và kỹ năng điều hành, xây dựng, phối hợp đưa ra các quyết định để giải quyết, ứng biến các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn và áp dụng cho lĩnh vực kế toán;



- PLO11: Có kỹ năng xây dựng kế hoạch, thẩm định kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể trong công tác quản lý và hoạt động chuyên môn; Đề xuất các giải pháp để góp phần hoàn thiện chiến lược và chính sách kinh doanh, Kế toán;

- PLO12: Nắm vững kỹ năng giao tiếp bao gồm cả kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, giao tiếp qua thư tín và qua các phương tiện truyền thông; Tự tin khi giao tiếp và thực hành nghề trong môi trường làm việc trong nước và môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài;

- PLO13: Có kỹ năng tổ chức và điều hành hội họp, truyền đạt, giới thiệu kiến thức mới về Kế toán và kinh doanh; kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Điềm tĩnh, tự chủ khi ra quyết định;

- PLO14: Đạt trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014;

- PLO15: Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kế toán phải đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Khoản 1, điều 2, Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014

### **2.3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm**

- PLO16: Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập và công tác; phấn đấu trở thành chuyên gia, nhà quản lý giỏi và chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kế toán; Có trách nhiệm với công việc được giao, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức nghề kế toán, tác phong chuyên nghiệp; Tích cực tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa - xã hội; Thực hiện tốt trách nhiệm công dân và có quan hệ cộng đồng tốt; chấp hành nội quy, quy chế tại nơi làm việc và tuân thủ luật pháp;

- PLO17: Chứng tỏ khả năng học tập suốt đời, khả năng tự học tự nghiên cứu tự cập nhật kiến thức phát triển nghề nghiệp cá nhân;

- PLO18: Có phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, tính kỷ luật cao.

### **3. YÊU CẦU VỀ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC**

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kế toán phải đạt trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014;

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kế toán phải đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Khoản 1, điều 2, Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014

### **4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP**



- Đảm nhận được công việc kế toán, tài chính tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức kinh tế, chính trị xã hội – nghề nghiệp với vai trò là người thực hiện trực tiếp, điều hành và quản lý.

- Làm việc, tích lũy kinh nghiệm trở thành chuyên gia tư vấn, định giá độc lập về kế toán, thuế, tài chính và giám đốc tài chính trong các tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước.

- Làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

## **5. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Có khả năng tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp trong nước và quốc tế.

## **6. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHUẨN ĐẦU RA ĐÃ THAM KHẢO**

### **6.1. Trong nước**

- Các chương trình, tài liệu trong nước: Học viện tài chính, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Ngoại thương, Đại học thương mại.

### **6.2. Ngoài nước:./.**





Phụ lục 1

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỨC TIÊU ĐÀO TẠO  
NGÀNH KẾ TOÁN

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra	CĐR của CTĐT																					
		Kiến thức							Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm							
		GDĐC			Cơ sở ngành				Chuyên ngành				Kỹ năng			Mức tự chủ và trách nhiệm							
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17	PLO 18			
Kiến thức	GDĐC	MT01	X	X							X	X	X	X					X	X	X		
		MT02	X									X	X	X	X		X		X	X	X	X	
	Cơ sở ngành	MT03				X					X	X	X	X	X			X		X	X	X	
		MT04			X	X					X	X	X	X	X					X	X	X	X
		MT05					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X
		MT06					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X
Kỹ năng	MT07									X		X											
	MT08												X	X			X						
	MT09																X		X				
	MT10														X		X						
	MT11															X							
Mức tự chủ và trách nhiệm	MT12																		X		X		
	MT13																		X		X		























**Phụ lục 3**

**ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ  
NGÀNH KẾ TOÁN**

(Tháng 7/2024)

TT	Họ và tên	Tuổi	Nữ (+)	Trình độ	Chức vụ	Chức danh
<b>10.1</b>	<b>Giảng viên theo ngành</b>					
1	Nguyễn Thị Đào	49	+	TS	Trưởng khoa	Giảng viên chính
2	Phạm Quang Thịnh	45		TS	Phó Trưởng khoa	Giảng viên chính
3	Phạm Thị An	40	+	ThS.NCS	Phó Trưởng khoa	Giảng viên
4	Phạm Thị Thu Trang	36	+	TS		Giảng viên
5	Nguyễn T Ánh Nguyệt	37	+	ThS		Giảng viên
6	Lê Thị Hà Anh	41	+	ThS		Giảng viên
7	Nguyễn Thị Phương	42	+	ThS		Giảng viên
8	Lê Thị Hoài Linh	46	+	ThS		Giảng viên
9	Phạm Thị Oanh	46	+	ThS		Giảng viên
10	Vũ Quốc Vững	48		ThS		Giảng viên
11	Nguyễn Thị Ngọc	38	+	ThS		Giảng viên
12	Đỗ Thị Thúy Hương	42	+	ThS		Giảng viên
13	Phạm Thị Huệ	39	+	ThS		Giảng viên
14	Bùi Phương Thanh	40	+	TS		Giảng viên
15	Trần Thị Thanh Loan	46	+	ThS		Giảng viên
16	Hoàng Thị Huyền	39	+	ThS		Giảng viên
17	Đào Thị Lan Anh	42	+	ThS		Giảng viên
18	Nguyễn Ngọc Anh	39	+	ThS		Giảng viên
19	Phạm Thị Duyên	39	+	ThS		Giảng viên
20	Nguyễn T Quỳnh Nga	41	+	ThS		Giảng viên
21	Trần T. Diệu Loan	36	+	ThS		Giảng viên
22	Phạm Thị Thảo	42	+	ThS		Giảng viên
23	Nguyễn T. Phương Dung	43	+	ThS		Giảng viên
24	Nguyễn Thị Thanh Hương	38	+	ThS		Giảng viên
25	Dương Hồng Nhung	40	+	ThS		Giảng viên
26	Cao Thị Thu Phương	38	+	ThS	Bí thư Đoàn TNCS HCM	Giảng viên
27	Nguyễn Thị Thu Trang	34	+	ThS		Giảng viên
28	Nguyễn Thị Vân	42	+	ThS		Giảng viên
29	Phạm Đức Bình	67		PGS.TS		Giảng viên



TT	Họ và tên	Tuổi	Nữ (+)	Trình độ	Chức vụ	Chức danh
30	Nguyễn Thị Hương	40	+	ThS	Phó Trưởng phòng	Giảng viên
31	Trịnh T.Thanh Loan	44	+	ThS	Phó Trưởng phòng	Giảng viên
32	Nguyễn T. T. Thương	43	+	ThS		Giảng viên
33	Vũ Thị Xuân	39	+	ThS		Giảng viên
34	Vũ Văn Thản	45		ThS		Giảng viên
35	Đinh Thị Mai Hương	36	+	ThS		Giảng viên
36	Nguyễn Thị Kim	40	+	ThS		Giảng viên
37	Nguyễn Phương Ngọc	47	+	TS	Trưởng phòng	Giảng viên chính
38	Tạ Thị Tuyết Anh	38	+	ThS		Giảng viên
39	Đỗ Thị Tuyết	40	+	ThS		Giảng viên
<b>10.2</b>	<b>Giảng viên môn chung</b>					
40	Nguyễn Mạnh Tuấn	44		ThS.NCS	Trưởng phòng	Giảng viên
41	Lê Thị Sinh	46	+	ThS	Phó Trưởng phòng	Giảng viên
42	Đặng Thị Trà My	51	+	ThS	Trưởng phòng	Giảng viên
43	Tô Văn Sông	57		TS	Trưởng phòng	Giảng viên chính
44	Đỗ Thanh Huyền	36	+	ThS	Chủ tịch HSV	Giảng viên
45	Đỗ Thị Ngọc Tú	47	+	ThS.NCS	Phó Trưởng khoa	Giảng viên
46	Trần Thị Oanh	38	+	ThS		Giảng viên
47	Đặng Thu Trang	47	+	ThS		Giảng viên
48	Vũ Thị Nhung	45	+	ThS		Giảng viên
49	Đinh Thị Lê Duyên	41	+	ThS		Giảng viên
50	Lê Thị Nguyệt	44	+	TS	Trưởng khoa	Giảng viên
51	Vũ Thị Thảo (1986)	38	+	ThS.NCS	Phó Trưởng khoa, Thư ký Hội đồng trường	Giảng viên
52	Hồ Thị Thúy	46	+	ThS		Giảng viên
53	Phạm Thị Na	41	+	ThS.NCS		Giảng viên
54	Nguyễn Thị Lý	47	+	ThS.NCS		Giảng viên



TT	Họ và tên	Tuổi	Nữ (+)	Trình độ	Chức vụ	Chức danh
55	Đào Thị Miên	44	+	ThS		Giảng viên
56	Phạm Thị Hương	35	+	ThS		Giảng viên
57	Hà Thị Thu Hoài	45	+	ThS.NCS		Giảng viên
58	Phạm Hồng Thom	40	+	ThS		Giảng viên
59	Trần Việt Dũng	40		ThS.NCS	Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM	Giảng viên
60	Nguyễn Thị Thắm	42	+	ThS		Giảng viên
61	Nguyễn Ngọc Viên	45		ThS.NCS	Phó Trưởng khoa	Giảng viên
62	Hoàng Thế Anh	39		ThS		Giảng viên
63	Vũ Thị Thảo (1982)	42	+	ThS		Giảng viên
64	Lâm Thị Thoa	43	+	ThS.NCS		Giảng viên
65	Trần Doãn Khoa	47		ThS.NCS	Phó Trưởng khoa	Giảng viên
66	Phạm Văn Đò	41		ThS		Giảng viên
67	Lê Quang Tỉnh	45		ThS		Giảng viên
68	Vũ Thị Thương Huyền	44	+	ThS		Giảng viên
69	Phạm Văn Quang	44		ThS		Giảng viên
70	Nguyễn Thanh Liêm	44		ThS		Giảng viên
71	Đoàn Thị Phương	38	+	ThS		Giảng viên
72	Vũ Thị Tuyết	38	+	ThS		Giảng viên
73	Nguyễn Thị Thắm	43	+	ThS	Phó Trưởng khoa	Giảng viên
74	Nguyễn Thị Liên	42	+	ThS		Giảng viên
75	Nguyễn Thị Thùy Linh	42	+	ThS		Giảng viên
76	Vũ Thị Hương	33	+	ThS		Giảng viên
77	Phạm Thị My	38	+	ThS		Giảng viên
78	Đào Thị Tuyết Thanh	45	+	ThS		Giảng viên



## **Phụ lục 4**

### **MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN NGÀNH KẾ TOÁN**

#### **(1) Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)**

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó giúp sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

#### **(2) Kinh tế chính trị Mác -Lênin (2 tín chỉ)**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

#### **(3) Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)**

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ. Học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ



nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

#### **(4) Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

#### **(5) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)**

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao được nhận thức, niềm tin đối với Đảng và có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

#### **(6) Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)**

Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình giáo dục thể chất của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lí thuyết môn Thể dục, bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn thể dục, phương pháp tập luyện. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các



phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.

### **(7) Giáo dục thể chất 2 (2 tín chỉ)**

*(Tự chọn 01 trong 07 học phần: Đá cầu, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Võ thuật Vovinam, Aerobic, Cầu lông)*

#### **Đá cầu**

Học phần Đá cầu cung cấp các kiến thức cơ bản về môn Đá cầu. Đây là kiến thức nền tảng để giúp sinh viên tiếp thu các học phần giáp ranh và chuyên ngành thể dục thể thao; có sân chơi hoạt động đầy ý nghĩa, tạo sự kết tinh thân tập thể cao; có lối sống lành mạnh rời xa các tệ nạn xã hội.

#### **Bóng chuyền**

Học phần Bóng chuyền trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật, kỹ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

#### **Bóng đá**

Học phần Bóng đá cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn Bóng đá, những nguyên lý thực hiện kỹ thuật, luật Bóng đá. Học phần cũng trang bị các kỹ thuật động tác cơ bản, tổ chức hướng dẫn luyện tập môn Bóng đá.

#### **Bóng rổ**

Bóng rổ là môn thể thao tự chọn trong chương trình đào tạo giáo dục thể chất không chuyên có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng rổ và kỹ thuật cơ bản về di chuyển, chuyền và bắt bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném rổ và hai bước lên rổ, một số điều luật phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng rổ.

#### **Võ thuật Vovinam**

Võ thuật Vovinam là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và đặc điểm của môn võ Vovinam; trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu thực hành môn Võ thuật Vovinam. Ngoài ra còn có thể lấy học phần làm các bài tập bổ trợ cho các môn thể thao khác.

#### **Aerobic**



Học phần Aerobic là học phần tự chọn thuộc chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên đại học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo. Nội dung học phần bao gồm: lý thuyết Aerobic, kỹ thuật cơ bản Aerobic, bài Aerobic. Học phần giúp sinh viên phát triển thể chất; giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể; rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các học phần khác.

#### Cầu lông

Cầu lông là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, giảng dạy các kỹ thuật, chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông. Ngoài ra, học phần còn thông qua quá trình tập luyện để rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính tự giác tích cực; phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp động tác, tăng cường sức khỏe, tính linh hoạt hỗ trợ cho công việc học tập và giúp sinh viên có thể tự tin tham gia các hoạt động khi nhà trường tổ chức giải thi đấu môn Cầu lông cho sinh viên.

#### **(8) Giáo dục quốc phòng – an ninh 1 (45 tiết)**

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

#### **(9) Giáo dục quốc phòng – an ninh 2 (45 tiết)**

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

#### **(10) Giáo dục quốc phòng – an ninh 3 (30 tiết)**



Học phần nghiên cứu các kiến thức, kĩ năng chiến thuật, kĩ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kĩ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lí các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

#### **(11) Giáo dục quốc phòng – an ninh 4 (60 tiết)**

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

#### **(12) Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kĩ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kĩ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

#### **(13) Tiếng Anh 2 (4 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kĩ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan



điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

#### **(14) Tin học đại cương (2 tín chỉ)**

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

#### **(15) Toán cao cấp (3 tín chỉ)**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số, đạo hàm, vi phân, tích phân; Hàm hai biến, Phương trình vi phân. Giúp các em biết vận dụng các kiến thức này để giải các bài toán trong thực tiễn cuộc sống và đặc biệt là các bài toán tối ưu trong Kinh tế. Học phần Toán cao cấp trang bị cho sinh viên các công cụ toán học để các em học tốt các môn tiếp theo như: Kinh tế vi mô, vĩ mô, ... trong chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán, Tài chính.

#### **(16) Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)**

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Chương 6 là pháp luật về phòng chống tham nhũng.

#### **(17) Xác suất thống kê (3 tín chỉ)**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên và xác suất; biến ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất cơ bản; lý thuyết về chọn mẫu, tổng hợp, phân



tích thống kê thông qua ước lượng, kiểm định, tham số; giới thiệu về tương quan hồi quy. Sinh viên vận dụng các công cụ xác suất thống kê trong phân tích định lượng xác suất và thống kê vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản, trang bị công cụ để học tập các học phần ngành và chuyên sâu của ngành Kinh tế, Tài chính, Quản trị.

#### **(18) Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)**

Kinh tế học vi mô là một trong những môn học kinh tế cơ bản đối với các ngành thuộc khối kinh tế. Kinh tế học vi mô là một nhánh của Kinh tế học, tập trung nghiên cứu hành vi ứng xử của các chủ thể, các bộ phận kinh tế riêng lẻ và đồng thời cũng quan tâm đến tác động qua lại giữa các chủ thể trong nền kinh tế. Kinh tế học vi mô nghiên cứu hành vi của các đơn vị ra quyết định trong nền kinh tế (hộ gia đình, doanh nghiệp, chính phủ). Như vậy, kinh tế học vi mô với tư cách là một môn khoa học cơ sở, nghiên cứu bản chất của các hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật kinh tế.

#### **(19) Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)**

Kinh tế vĩ mô là môn học cơ bản của chuyên ngành kinh tế, nghiên cứu và xem xét nền kinh tế với tư cách là một tổng thể. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước và sự can thiệp của Chính phủ mỗi quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Những biến số kinh tế vĩ mô cơ bản bao gồm tổng cung, tổng cầu, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng thể hiện sự điều tiết vĩ mô của Chính phủ như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương... Bằng phương pháp mô hình hóa, môn học sẽ giải thích mối quan hệ giữa các biến số vĩ mô cơ bản trong từng mô hình kinh tế từ đơn giản đến phức tạp, đồng thời nghiên cứu và phân tích trạng thái của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ lĩnh hội và nắm bắt được những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô liên quan đến hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, đồng thời hiểu được sự vận hành của nền kinh tế với tư cách là một tổng thể.

#### **(20) Tiếng Anh chuyên ngành (Tài chính - Kế toán) (3 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Kế toán là học phần dành riêng cho các sinh viên chuyên ngành Tài chính - Kế toán. Học phần cung cấp cho sinh viên các bài



nghe, đọc, hội thoại, thảo luận với hệ thống từ vựng, cụm từ và mẫu câu giao tiếp liên quan tới những kiến thức cơ bản về lĩnh vực kế toán, tài chính ngân hàng; những phạm vi hoạt động của nghề tài chính ngân hàng; báo cáo tài chính; kiểm soát tiền; cách kê khai thu nhập cá nhân để đóng thuế; cấu trúc nhiệm vụ của một số loại ngân hàng và các dịch vụ ngân hàng... Sau khi kết thúc học phần sinh viên phải đạt chuẩn bậc 2 theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tương đương

### **(21) Luật kinh tế (3 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho sinh viên các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam điều chỉnh các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình tổ chức và quản lý kinh tế của nhà nước và trong quá trình sản xuất kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh với nhau. Đồng thời, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế bao gồm: Những vấn đề chung về pháp luật kinh tế; pháp luật về doanh nghiệp; pháp luật về hợp đồng kinh doanh, thương mại; pháp luật về cạnh tranh; pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế và phá sản doanh nghiệp.

### **(22) Lý thuyết tài chính – tiền tệ (3 tín chỉ)**

Học phần cung cấp các kiến thức về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính trong nền kinh tế. Nắm được sự ra đời, bản chất, chức năng của tiền tệ. Hiểu được các chức năng của tài chính, và qua đó nắm được nội dung của các chức năng của tài chính, như chức năng phân phối là gì? Tại sao phải phân phối lại? Hiểu được nội dung của chức năng giám đốc bằng tiền của tài chính; Nắm được các khâu trong hệ thống tài chính, vị trí và nhiệm vụ của các khâu trong hệ thống tài chính. Mối liên hệ giữa các khâu trong hệ thống tài chính Việt Nam, chính sách tài chính quốc gia như mục tiêu của chính sách tài chính quốc gia, những quan điểm cơ bản về chính sách tài chính quốc gia và nội dung của chính sách tài chính quốc gia.

### **(23) Thống kê kinh tế (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp một cách có hệ thống: các khái niệm cơ bản trong thống kê; các phương pháp điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu về hiện tượng nghiên cứu; các phương pháp xử lý, tổng hợp và trình bày các thông tin đã thu thập; các phương pháp phân tích thống kê: hồi quy tương quan, dãy số thời gian, chỉ số làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai; các kiến thức về hệ thống tài khoản quốc gia; hệ thống các chỉ tiêu thống kê về kinh tế - xã hội, nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.



#### **(24) Nguyên lý kế toán (4 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho học sinh những lý luận chung về kế toán tập trung làm rõ bản chất của kế toán, đối tượng của kế toán. Sau khi hiểu được kế toán là gì? Kế toán nghiên cứu những gì? Học sinh sẽ được giới thiệu về các phương pháp áp dụng trong kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tổng hợp cân đối kế toán. Bên cạnh đó học phần cũng giúp học sinh ứng dụng cơ bản lý thuyết kế toán vào thực tế qua đó giúp học sinh củng cố những lý luận chung về kế toán được cụ thể hóa trong kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu: quá trình cung cấp, quá trình cung cấp, quá trình sản xuất, quá trình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh kinh doanh, giới thiệu về hệ thống báo cáo tài chính, các hình thức sổ kế toán. Học phần nguyên lý kế toán cung cấp cho học sinh cách kiểm tra số liệu trên sổ kế toán; sửa chữa sổ kế toán trong các trường hợp ghi sổ kế toán sai.

#### **(25) Lý thuyết kiểm toán (3 tín chỉ)**

Môn học lý thuyết kiểm toán tập trung trang bị kiến thức, kỹ năng căn bản của hoạt động kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo tài chính theo luật kiểm toán Việt Nam hiện hành. Sinh viên sau khi hoàn thành học phần này có thể hiểu được các khái niệm, định nghĩa, thuật ngữ về kiểm toán, một số thuật ngữ sử dụng trong kiểm toán, phân loại kiểm toán theo các chỉ tiêu khác nhau, phương pháp và quy trình kiểm toán, kỹ thuật chọn mẫu trong kiểm toán và các loại ý kiến kiểm toán, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán thích hợp. Từ đó có thể vận dụng vào thực hành công tác kiểm toán thực tế.

Ngoài ra trong xu thế công nghệ 4.0 hiện nay, sinh viên sẽ được tìm hiểu hoạt động kiểm toán trong môi trường tin học, vận dụng thực hành đọc hiểu căn bản báo cáo tài chính trên website công ty, phân tích được các chỉ số tài chính hỗ trợ trong việc thực hiện kiểm toán.

#### **(26) Nghiệp vụ thuế (3 tín chỉ)**

Học phần Nghiệp vụ thuế trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản nhất về thuế: lý do ra đời, khái niệm, đặc điểm, tác dụng của thuế. Đồng thời trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản và cập nhật các quy định mới nhất của các Luật thuế hiện hành ở Việt Nam: Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu; Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt; Luật Thuế Giá trị gia tăng; Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế Thu nhập cá nhân và số luật thuế khác hiện nay.



### **(27.1) Tài chính cá nhân (2 tín chỉ)**

Học phần này nhằm trang bị cho học viên kiến thức về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân, quản lý tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng, quản lý tín dụng tiêu dùng, bảo hiểm nhân thọ hưu trí và các khoản đầu tư khác nhằm tối ưu tài chính cá nhân. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các kiến thức về đầu tư tài sản tài chính, thị trường tài chính, cách nghiên cứu môi trường đầu tư, xem xét hai khía cạnh cơ bản trong đầu tư là lợi nhuận và rủi ro cũng như khả năng kiểm soát và hoạch định tương lai tài chính của khách hàng hoặc của cá nhân.

### **(27.2) Kỹ năng mềm (2 tín chỉ)**

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng quản trị bản thân, kỹ năng quản lý thời gian... Những kiến thức và kỹ năng rèn luyện được là nền tảng giúp sinh viên có thể học tập và làm việc hiệu quả hơn trong công việc và cuộc sống.

### **(27.3) Khởi nghiệp (2 tín chỉ)**

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về khởi nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp; Ý tưởng và cơ hội kinh doanh; Mô hình kinh doanh; Kế hoạch kinh doanh; Khởi nghiệp, Vận hành doanh nghiệp. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.

### **(27.4) Văn hóa kinh doanh (2 tín chỉ)**

Văn hóa kinh doanh: Văn hóa kinh doanh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành nên văn hóa và văn hóa kinh doanh như triết lý kinh doanh; đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân....; cách thức và kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hóa kinh doanh trong hoạt động kinh doanh.

### **(28.1) Thị trường tài chính (2 tín chỉ)**

Thị trường tài chính là học phần cơ sở, là nền tảng cho sinh viên bắt đầu làm quen với các nghiệp vụ của thị trường tài chính. Học phần đề cập đến các nội dung như những tổng quan về thị trường tài chính; phân tích đặc điểm, cơ chế hoạt động, các công cụ lưu



thông trên thị trường tài chính. Tìm hiểu cơ chế hoạt động và giao dịch trên các thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường ngoại hối, thị trường phái sinh.

### **(28.2) Kinh tế lượng (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.

### **(28.3) Marketing căn bản (2 tín chỉ)**

Học phần này giới thiệu những khái niệm cơ bản về hoạt động marketing, các quan điểm marketing truyền thống, hiện đại, phân loại khách hàng để tìm ra thị trường mục tiêu của mình, tìm hiểu nhu cầu của người tiêu dùng trong từng thị trường, phân tích hành vi khách hàng, môi trường marketing. Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và hoạt động xúc tiến hỗn hợp, tuyên truyền cổ động để thỏa mãn tốt nhu cầu người tiêu dùng.

### **(28.4) Soạn thảo văn bản (2 tín chỉ)**

Học phần Soạn thảo văn bản giúp sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về văn bản, yêu cầu và quy trình khi soạn thảo văn bản; phương pháp soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông dụng (*văn bản quản lý tổ chức và văn bản tác nghiệp hành chính, hợp đồng*) một cách khoa học, hợp lý và đúng theo quy định của pháp luật với mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động quản lý của các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

### **(29) Tài chính doanh nghiệp (3 tín chỉ)**

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về tổ chức tài chính doanh nghiệp; sự vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra mà biểu hiện cụ thể của nó chính là chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản: Tài sản cố định, tài sản lưu động trên cơ sở đó nhằm đánh giá hiệu quả trong hoạt động của doanh nghiệp.

### **(30) Kế toán tài chính 1 (3 tín chỉ)**

Học phần Kế toán tài chính 1 cung cấp cho sinh viên những lý luận chung, tập trung làm rõ về các phần hành kế toán: Kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán; Kế toán nguyên vật liệu và CCDC; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó học phần cũng giúp sinh viên vận dụng lý thuyết kế toán vào giải quyết các tình huống



thực tế qua đó giúp học sinh củng cố những lý luận chung về kế toán được cụ thể hóa trong kế toán.

### **(31) Kế toán tài chính 2 (3 tín chỉ)**

Kế toán tài chính 2 là học phần chuyên ngành quan trọng trong chương trình đào tạo cho sinh viên ngành Kế toán. Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản từ các khái niệm, các nguyên tắc kế toán, hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản kế toán sử dụng, quy trình hạch toán kế toán của các phần nội dung còn lại trong chương trình Kế toán tài chính cho sinh viên ngành Kế toán, hệ đại học gồm các nội dung: Thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm; Đầu tư và dự phòng, Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, Vốn chủ sở hữu, Báo cáo tài chính. Bên cạnh đó học phần cũng giúp sinh viên vận dụng cơ bản lý thuyết kế toán vào thực tế qua đó giúp học sinh củng cố những lý luận chung về kế toán được cụ thể hóa trong kế toán. Học phần Kế toán tài chính 2, giúp SV nắm chắc qui trình hạch toán các phần hành kế toán: Lập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập các BCTC, Phân tích tình hình tài chính, đề xuất các giải pháp giúp nhà quản lý ra quyết định đúng đắn trong sản xuất, kinh doanh.

### **(32) Kế toán tài chính 3 (3 tín chỉ)**

Học phần Kế toán tài chính 3 là học phần bắt buộc thuộc chuyên ngành kế toán. Học phần chủ yếu cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc thù của các loại hình hoạt động kinh doanh như xây lắp, thương mại, dịch vụ vận tải, dịch vụ nhà hàng, khách sạn; chỉ rõ những đặc điểm này ảnh hưởng như thế nào đến công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh này. Nội dung còn cung cấp những kiến thức về pháp luật, lý luận, chứng từ, tài khoản, phương pháp hạch toán và xác định kết quả của từng loại hình kinh doanh. Từ đó sinh viên có thể thấy sự giống và khác nhau trong công tác kế toán của các doanh nghiệp này và với kiến thức kế toán đã được học trong học phần Kế toán tài chính 1 và Kế toán tài chính 2.

### **(33) Kiểm toán tài chính (3 tín chỉ)**

Học phần Kiểm toán tài chính phát triển các kiến thức cơ bản về kiểm toán tài chính và những hoạt động kiểm toán khác trong nền kinh tế thị trường; tiếp cận dưới góc độ hệ thống hóa các vấn đề lý luận và cập nhật những xu hướng phát triển mới hiện nay trong lĩnh vực kiểm toán tài chính trên thế giới. Học phần Kiểm toán tài chính có quan hệ mật thiết với các học phần khác trong chương trình đại học ngành kế toán như Kế toán tài chính, Kế toán quản và Hệ thống thông tin kế toán: Một mặt, học phần này dựa trên các kiến thức



của các học phần khác để phát triển các kỹ thuật, quy trình kiểm toán của từng phần hành; Kiểm toán vốn bằng tiền, kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán TSCĐ,... mặt khác, học phần này bổ sung cho các học phần khác cách thức tiếp cận dưới góc độ cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán và tư vấn cho doanh nghiệp.

#### **(34) Kế toán quản trị 1 (3 tín chỉ)**

Học phần Kế toán quản trị 1 gồm những vấn đề lý luận cơ bản về: Khái niệm và bản chất của kế toán quản trị; Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kế toán quản trị; Tổ chức kế toán quản trị; So sánh kế toán quản trị và kế toán tài chính. Các loại chi phí, giá thành theo quan điểm của KTQT và việc xác định chi phí giá thành. Điểm hòa vốn và ứng dụng nội dung chi phí, giá thành, điểm hòa vốn vào phân tích điểm hòa vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp về mức sản lượng, doanh thu, giá bán cũng như một số các chỉ số kinh tế liên quan đến phương án kinh doanh cần phân tích.

#### **(35) Kế toán quản trị 2 (2 tín chỉ)**

Học phần Kế toán quản trị 2 giúp sinh viên nắm khái quát về dự toán chi phí sản xuất, định mức chi phí và dự toán sản xuất kinh doanh; phân tích báo cáo bộ phận theo các phương pháp xác định chi phí; các phương pháp định giá sản phẩm trong doanh nghiệp; phân tích thông tin thích hợp, nắm bắt được một số mô hình phân tích thông tin, ra quyết định ngắn hạn, từ đó vận dụng vào quá trình công tác thực tiễn.

#### **(36) Tổ chức hạch toán kế toán (3 tín chỉ)**

Học phần Tổ chức hạch toán kế toán cung cấp cho sinh viên những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: tổ chức bộ máy (hệ thống tổ chức và con người làm kế toán), tổ chức thực hiện các phần hành kế toán (bao gồm việc vận dụng chế độ chứng từ kế toán; chế độ tài khoản kế toán; sổ sách kế toán; báo cáo kế toán; kiểm tra kế toán; lưu trữ và bảo quản tài liệu kế toán; ...). Đồng thời là nền tảng để sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn tổ chức hạch toán kế toán trong từng doanh nghiệp khác nhau ở nước ta.

#### **(37) Phân tích tài chính (3 tín chỉ)**

Học phần trang bị những kiến thức về phân tích tài chính của doanh nghiệp, bao gồm: Những vấn đề chung về phân tích tài chính doanh nghiệp; Phân tích cơ cấu tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp; Phân tích các hệ số tài chính của doanh nghiệp; Phân tích kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.



### **(38) Kế toán quốc tế (3 tín chỉ)**

Học phần Kế toán quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Kế toán Mỹ: Mô hình kế toán cơ bản của kế toán Mỹ, những nội dung cụ thể về nguyên tắc cơ bản, đối tượng, kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ của kế toán tài chính Mỹ, các nội dung về kế toán tài sản cố định, kế toán hàng tồn kho, kế toán tiền và các nghiệp vụ thanh toán...

- Kế toán Pháp: Một số nguyên tắc, đặc điểm của kế toán Pháp, kế toán hàng tồn kho, kế toán bất động sản...

Qua đó giúp người học nâng cao trình độ hiểu biết, đồng thời có cơ sở để đối chiếu, so sánh với kế toán doanh nghiệp Việt Nam, nhằm rút ra những điểm giống và khác nhau về lý thuyết và ứng dụng thực tế.

### **(39) Kế toán hành chính sự nghiệp (3 tín chỉ)**

Học phần Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị Hành chính sự nghiệp, các phần hành kế toán cụ thể như: Kế toán tiền, vật tư, tài sản, tiền lương, doanh thu, chi phí và xác định kết quả, lập báo cáo tài chính. Các phương pháp kế toán từ việc lập chứng từ, định khoản các nghiệp vụ kế toán cho đến việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Dự báo, đánh giá tình hình hoạt động của đơn vị hành chính sự nghiệp và việc lập dự toán cho năm tiếp theo.

### **(40) Hệ thống thông tin kế toán (3 tín chỉ)**

Học phần chia thành 2 phần:

- Phần lý thuyết: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về hệ thống thông tin kế toán, phần mềm kế toán, cách thiết lập các thông số ban đầu, khai báo các thông tin về đơn vị khi mới bắt đầu làm việc trên phần mềm, các bước công việc khi tiến hành làm việc đối với từng phân hệ kế toán trên phần mềm, việc bảo trì lưu trữ tài liệu kế toán.

- Phần thực hành: Đưa ra bài tập thực hành tại một đơn vị cụ thể để sinh viên thực hành vận dụng kiến thức lý thuyết đã được học để rèn luyện kỹ năng trong quá trình làm kế toán từ khai báo các thông tin ban đầu, nhập chứng từ, thực hiện các bút toán kết chuyển cuối kỳ, lập các báo cáo tài chính, in ấn chứng từ, các sổ kế toán trên phần mềm. Kết thúc môn học sinh viên phải hoàn thiện một bộ số liệu kế toán trong một năm tài chính tại một doanh nghiệp cụ thể theo yêu cầu.



#### **(41) Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (2 tín chỉ)**

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc tự chủ trong công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa từ khâu dự trữ - sản xuất - tiêu thụ và xác định kết quả giúp người học vận dụng Luật, chuẩn mực và chế độ, chính sách tài chính kế toán thực hiện công tác kế toán trong doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa.

#### **(42) Kế toán thuế (3 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về nguyên tắc, tài khoản và phương pháp kế toán các sắc thuế trong doanh nghiệp Việt Nam như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu ...; Các thủ tục, quy trình Lập và trình bày Báo cáo thuế nhằm cung cấp thông tin kinh tế, tài chính, thực hiện nghĩa vụ đối với cơ quan thuế.

#### **(43) Luật và chuẩn mực kế toán (2 tín chỉ)**

Học phần này trang bị cho sinh viên những quy định trong luật kế toán và các văn bản hướng dẫn cũng như những nội dung cơ bản được quy định trong các chuẩn mực kế toán Việt Nam như: Chuẩn mực chung - số 01, chuẩn mực kế toán hàng tồn kho - 02, chuẩn mực kế toán tài sản cố định hữu hình, chuẩn mực kế toán doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính vv... Giúp sinh viên hiểu được mối liên hệ giữa chế độ kế toán với Luật và chuẩn mực kế toán, áp dụng luật và chuẩn mực trong thực tiễn công tác kế toán.

#### **(44.1) Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và toàn diện về các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại, đặc biệt tập trung vào nghiệp vụ tín dụng, là nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu của ngân hàng, giúp người học có điều kiện công tác tốt tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác. Nội dung chính học phần bao gồm: Tổng quan về ngân hàng thương mại; Nguồn vốn của ngân hàng thương mại; Nghiệp vụ cho vay của ngân hàng thương mại; Nghiệp vụ bảo lãnh và cho thuê tài chính của ngân hàng thương mại; Nghiệp vụ thanh toán của ngân hàng thương mại và nghiệp vụ kinh doanh khác của ngân hàng thương mại.

#### **(44.2) Kiểm toán nội bộ (2 tín chỉ)**

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kiểm toán nội bộ, các hoạt động hành chính của kiểm toán nội bộ, các lĩnh vực hoạt động của kiểm toán nội bộ.



#### **(44.3) Kế toán hộ kinh doanh (2 tín chỉ)**

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc tự chủ trong công tác kế toán tài chính cho hộ kinh doanh, giúp người học vận dụng chính sách tài chính kế toán thực hiện công tác kế toán tài chính cho hộ kinh doanh.

#### **(44.4) Kiểm toán hoạt động (2 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng cơ bản về kiểm toán hoạt động trong một tổ chức (nhà nước hoặc tư nhân) thông qua đánh giá 3 mục tiêu chính: tính kinh tế, tính hiệu quả và tính hiệu lực, trên cơ sở đó định hướng đưa ra các đề xuất cải tiến, hoàn thiện các hoạt động.

#### **(45) Thực hành chuyên ngành 1 (3 tín chỉ)**

Trên cơ sở lý thuyết đã được học, học phần Thực hành chuyên ngành 1 giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học vận dụng vào số liệu của một số doanh nghiệp cụ thể để làm được công việc của Kế toán như: Lập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, lập các báo cáo kế toán theo yêu cầu của lãnh đạo.

#### **(46) Thực hành chuyên ngành 2 (3 tín chỉ)**

Học phần tiếp tục bổ sung các kiến thức toàn diện trong lĩnh vực kế toán tại các loại hình doanh nghiệp thương mại dịch vụ, xây lắp, nhà hàng, khách sạn...Giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý luận để giải quyết các tình huống kế toán cụ thể trong các doanh nghiệp thương mại, kinh doanh xuất nhập khẩu.

#### **(47) Thực tập tốt nghiệp (4 tín chỉ)**

Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành là học phần sinh viên được tập sự, tiếp cận thực tế tổ chức công tác kế toán và hoạt động thực tiễn tại các doanh nghiệp, ngân hàng, các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp. Sinh viên thực tập có sự hướng dẫn của giảng viên được phân công. Đây là học phần cần thiết để sinh viên làm quen với thực tế và vận dụng các kiến thức lý thuyết vào phân tích thực tiễn hoạt động kinh doanh, đánh giá thực trạng từ đó định hướng một số giải pháp giải quyết những tồn tại thực tiễn trong các Doanh nghiệp và một số cơ quan nhà nước ..... Trong quá trình thực tập sinh viên tiếp thu kiến thức và hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về nội dung và hình thức của Khoa. Báo cáo thực tập trình bày những hiểu biết của sinh viên về thông tin tổng quan của cơ sở thực tập cũng như các hoạt động Kế toán, kết quả kinh doanh và phân tích cơ bản về một số nghiệp vụ Kế toán của đơn vị thực tập do sinh viên chủ động lựa chọn.

#### **(48) Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)**



Khóa luận tốt nghiệp thể hiện việc vận dụng kiến thức tổng hợp lý thuyết đã học và vận dụng vào việc phản ánh, đánh giá thực trạng kế toán tại đơn vị sinh viên thực tập. Thông qua việc hoàn thành khóa luận giúp sinh viên nhìn nhận các vấn đề thực tiễn một cách khoa học. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của giáo viên hướng dẫn, sinh viên sẽ chọn một vấn đề trong thực tiễn của đơn vị phù hợp với các nội dung chuyên ngành Kế toán để nghiên cứu, nội dung và kết cấu của khóa luận bao gồm: hệ thống lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu, phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đưa ra các đề xuất hoàn thiện hoặc giải quyết các vấn đề dựa trên đánh giá trên.

#### **(49) Kế toán công ty (3 tín chỉ)**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán công ty; đi sâu về kế toán; thành lập các công ty; biến động vốn trong các công ty; chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận sau thuế; phát hành và thanh toán trái phiếu; tổ chức lại công ty, giải thể và phá sản công ty.

Học phần thuộc học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp; thuộc kiến thức chuyên ngành tổng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

#### **(50) Bảo hiểm (3 tín chỉ)**

Học phần này cung cấp cho sinh viên ngành kinh tế những kiến thức cơ bản, hiện đại, có hệ thống và phù hợp với pháp luật Việt Nam về bảo hiểm, bao gồm: Tổng quan về bảo hiểm (sự ra đời, khái niệm, bản chất, vai trò) và cơ sở pháp lý của hợp đồng bảo hiểm. Trên cơ sở lý luận chung về bảo hiểm, bài giảng đã cung cấp cho người học về nội dung chính của các loại hình bảo hiểm, cụ thể như sau: Bảo hiểm tài sản: khái quát về bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; Bảo hiểm nông nghiệp; Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe cơ giới; Bảo hiểm trách nhiệm dân sự: Khái quát về bảo hiểm trách nhiệm dân sự; Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba; Bảo hiểm con người: Tổng quan về bảo hiểm con người; Bảo hiểm nhân thọ. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.